TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ
* * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21.11.2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**

2. Ông **Chung Khánh Nghị**

- T ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** – là T ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

đ- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Ông **Võ Long Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Liên E –** sinh năm: 1978 *(có mặt)*

Bị đơn: Ông **Trương Thanh Đ** - sinh năm: 1982 *(vắng mặt lần 02)*

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22.6.2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên E trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, bà Liên E và ông Đ do được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hưng ngày 11.4.2006. Vợ chồng chung sống đến tháng 5.2018 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng Tòng hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà Liên E xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung là Trương Thị Thúy D – sinh ngày 24.3.2004, Trương Thị Anh T – sinh ngày 20.10.2007 và Trương Đăng K – sinh ngày 26.12.2013, cả 03 cháu do bà Liên E đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Liên E yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trương Thanh Đ Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn vắng mặt. Vào ngày 05.10.2018, Tòa án có ghi được lời khai của bà Lê Thị P (là mẹ ruột anh Đ) như sau:

Ông Trương Thanh Đ có biết việc bà Liên E nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng do đi làm ở xa nên không sắp xếp về tham dự hòa giải được. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng Tòng xuyên cự cãi dẫn đến ly thân. Về con chung: có 03 con chung đang sống với bà Liên E như trình bày trên. Về tài sản chung và nợ chung thì bà không rõ.

Do ông Đ vắng mặt trong các lần hòa giải nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn bà Liên E vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Liên E được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Tiếp tục giao 03 con chung cho bà Liên E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bị đơn ông Trương Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Liên E và ông Trương Thanh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị Liên E cho rằng do ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài dẫn đến phát sinh mâu thuẫn ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bà Lê Thị P (là mẹ ruột ông Đ) cũng xác định là ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, trong thời gian ly thân cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, quá trình Tòa án giải quyết ông Đ biết việc bà Liên E nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa tham dự hòa giải. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục D trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Liên E được ly hôn với ông Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Liên E xác định có 03 con chung tên là Trương Thị Thúy D – sinh ngày 24.3.2004, Trương Thị Anh T – sinh ngày 20.10.2007 và Trương Đăng K – sinh ngày 26.12.2013, cả 03 cháu do bà Liên E đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Liên E yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, qua làm việc ghi nhận ý kiến hai cháu Thúy D và Anh T đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với mẹ, cả 03 cháu đang do bà Liên E nuôi dưỡng ổn định, ông Đ đi làm ở xa không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Do đó nghĩ nên tiếp tục giao cả 03 con chung cho bà Liên E trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà Liên E xác định có đủ khả năng và điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Liên E xác định là không có nhưng do Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Liên E phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Liên E được ly hôn với ông Trương Thanh Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Trương Thị Thúy D – sinh ngày 24.3.2004, Trương Thị Anh T – sinh ngày 20.10.2007 và Trương Đăng K – sinh ngày 26.12.2013, cả 03 cháu do bà Liên E đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cả 03 con chung cho bà Liên E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ, không ai được quyền ngăn cản. Bà Liên E và ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Liên E xác định không có, nếu ông Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Liên E phải nộp số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004196 ngày 02.8.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Hưng;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU